TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ My Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Hà
2. Bà Phạm Thị Thu Hiền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Giáp Thị Thu Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Bà My La- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST- DS ngày 08-7-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông K’ Br, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 20 thôn Duệ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền chị Ka H, sinh năm

Địa chỉ: Số 20 thôn Duệ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng..

Văn bản ủy quyền ngày 06-02-2020

2. Bị đơn: Vợ chồng ông K’ B, sinh năm 1957

Bà Ka D, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 63 thôn Hàng Piơr, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ka H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 20 thôn Duệ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Ka H, bà Ka H có mặt, bị đơn vợ chồng ông B, bà D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông K' Br và chị Ka H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07-11-2016 vợ chồng ông B, bà D có vay của ông Br số tiền 800.000.000đ, hẹn đến ngày 11-11-2016 thanh toán trả số tiền trên cả gốc và lãi.

Ngày 10 tháng 11 năm 2016 vợ chồng ông B, bà D vay tiếp số tiền 500.000.000đ, hẹn đến ngày 14-11-2016 thanh toán trả số tiền trên cả gốc và lãi, lãi suất hai bên thỏa thuận không ghi cụ thể tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông B, bà D không trả số tiền trên.

Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà Ka D trả số tiền gốc 1.300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15-11-2019 đến`ngày 23-7-2020 với mức lãi suất 0,83%/ tháng thành tiền 474.760.000đ nhưng chỉ lấy tiền lãi 400.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 1.700.000.000đ.

Tài liệu chứng cứ chứng minh " Giấy mượn tiền ghi ngày 07-11-2016" và " Giấy mượn tiền ghi ngày 10-11-2016"

+ Bị đơn vợ chồng ông K' B, bà Ka D vắng mặt tại phiên toà tuy nhiên tại bản tự khai ngày 25-02-2020, trước đây ông có vay tiền của ông Br làm 02 lần tổng cộng 1.300.000.000đ. Trong đó ngày 07-11-2016 vay 800.000.000đ, hẹn đến ngày 11-11-2016 thanh toán trả và ngày 10-11-2016 vay tiếp 500.000.000đ, hẹn đến ngày 14-11-2016 thanh toán trả số tiền trên, lãi suất do hai bên thảo thuận nhưng không ghi trong giấy vay tiền, mỗi lần vay đều có viết giấy vay tiền. Khi ông vay số tiền trên vợ ông là bà D biết và cùng xác định đây là nợ chung của vợ chồng.

Nay ông Br khởi kiện và xác định đây là nợ chung của vợ chồng và yêu cầu vợ chồng ông cùng có trách nhiệm trả số tiền trên thì đồng ý trả tiền gốc nhưng xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày việc chồng bà là ông K' Br cho vợ chồng ông B vay, bà có biết đây là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu vợ chồng ông B có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc và lãi như chị H đại diện theo ủy quyền trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vợ chồng ông K' B, bà

D và người có quyền lợi nghĩa quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Br, bà Ka H số tiền gốc 1.300.000.000đ và tiền lãi.

Vợ chồng ông B, bà D đã trên 60 tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vợ chồng ông K' B, bà Dôk đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Br, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy mượn tiền 07-11-2016 và giấy mượn tiền ghi ngày 10-11-2016 do nguyên đơn ông Br và chị Ka H đại diện theo ủy quyền giao nộp cho Tòa án thể hiện thì ông B có vay của ông Br số tiền làm 02 lần: Lần 1 ngày 07-11-2016 vay 800.000.000đ hẹn đến ngày 11-11-2016 trả số tiền trên và ngày 11-11-2016 vay 500.000.000đ và hẹn đến ngày 14-11-2016 trả số tiền trên tuy nhiên đến hạn trả không trả và đến nay cũng chưa trả

Nay ông Br khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết xác định nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông B và buộc vợ chồng ông B, bà D có trách nhiệm trả số tiền gốc 1.300.000.000đ, và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/ tháng thành tiền 474.760.000đ và bớt tiền lãi chỉ lấy 400.000.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định việc ông B vay của ông Br số tiền 1.300.000.000đ là có căn cứ và còn nợ số tiền gốc 1.300.000.000 đồng, nguyên đơn ông Br và chị H đại diện theo ủy quyền xác định đây là nợ chung của vợ chồng vì vay và sử dụng số tiền trên vào mục đích chung của gia đình, trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông B, bà D cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho vợ chồng ông Br là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Br buộc vợ chồng ông B, bà D có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền còn nợ là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Br và chị Ka H đại diện theo ủy quyền yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng, tính từ ngày 15-11-2016 đến ngày 23-7-2020 làm tròn 44 tháng thành tiền

474.760.000đ và bớt tiền lãi chỉ lấy 400.000.000đ. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi và ghi nhận sự tự nguyện bớt tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị đơn vợ chồng ông B, bà D đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên vợ chồng ông B, bà D được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K' Br về việc *"*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"*.

Buộc vợ chồng ông K' B, bà Ka D có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông K' Br, bà Ka H số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Trong đó tiền gốc 1.300.000.000đ và tiền lãi là 400.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông K' B, bà Ka D.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn

K’ My Na